

Bản án số: 108/2024/HC-PT

Ngày: 01/4/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: ông Lê Tự

 ông Vũ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh; Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 402/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HCST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Vợ chồng ông Lê Văn L, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1985; Nơi cư trú hiện nay: Lô A đường N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông L có mặt. Bà T vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ T: Ông Lê Văn L, sinh năm 1984; Nơi cư trú hiện nay: Lô A đường N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Ngọc Q, Văn phòng L5 - Đoàn Luật sư tỉnh P; Địa chỉ: C N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố T: Ông Nguyễn Công T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố T. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố T: Bà Nguyễn Thị Bích D, chức vụ: Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường thành phố T. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P. Có đơn xin vắng mặt.
- Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên: Ông Huỳnh Văn P, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T: Bà Nguyễn Thị Bích D, chức vụ: Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường thành phố T. Có mặt.

- Chi cục Thuế thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Tấn H – Phó chủ tịch. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện: ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Thực hiện kế hoạch số 08/KH-TNMT ngày 29/12/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, diện tích bị thu hồi có hộ của cha ông Lê Văn L là Lê Văn T2 và mẹ Dương Thị L1 có sổ hộ khẩu số 244 quyền 10 tờ 37-38, thường trú: 46/13 N, Phường E, thành phố T, trên diện tích đất 162,3m², thửa đất số 165, tờ bản đồ số 2, Phường E, thành phố T và hộ con trai ông T2 là ông Lê Văn L, có vợ Nguyễn Thị Mỹ T cùng các con Nguyễn Lê Hoàng N, sinh 2011; Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh 2013; Lê Nguyễn Tuấn K, sinh 2017, hồ sơ hộ khẩu số DT 17/7/16/2039, đang sinh sống trên diện tích đất 60m² cùng thửa đất, chung nhà, theo thông báo nộp thuế nhà đất số 5318/TBTN-PTN ngày 04/03/2014, về việc thông báo tôi (Lê Văn L) phải thực hiện nghĩa vụ thuế sử dụng đất ở đô thị hàng năm, tôi có đóng thuế đầy đủ.

Để phục vụ công tác thu hồi, bồi thường, tái định cư, trong bản kiểm kê tài sản và hộ cư trú ngày 17/4/2017 xác định trên tích đất 162,3m² ở 46/13 N, phường E, thành phố T, thì có hộ 04 nhân khẩu, hộ tôi Lanh 05 nhân khẩu. Tiếp đó theo giấy mời của UBND phường E ngày 02/11/2018, tôi L đã tiếp tục kê khai hộ phụ nhận đất tái định cư.

Nhưng sau đó UBND thành phố T, ban hành Quyết định thu hồi số 2308/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 và Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 về chi trả bồi thường tái định cư, bố trí tái định cư và phải nộp

340.480.000 đồng tiền sử dụng đất không qua đấu giá chỉ riêng hộ cha tôi là Lê Văn T2 với diện tích 76m².

UBND thành phố T đã không ra Quyết định bố trí tái định cư cho hộ tôi Lê Văn L như Điều 75 Luật đất đai năm 2013 và điểm c khoản 1, Điều 22 của Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh P là *“Trong trường hợp có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở mà có giấy sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi nhà nước thu hồi đất ở, mà phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã phường, thị trấn, thì được tái định cư cho từng hộ đang sử dụng đất tại thửa đất ở bị thu hồi.”*.

Do đó, vào ngày 28/6/2019 tại buổi tiếp công dân định kỳ của UBND tỉnh P đã có văn bản số 3611/UBND-BTD đề nghị UBND thành phố T xem xét giải quyết và trả lời đơn tôi trước ngày 28/7/2019 theo quy định của pháp luật và ngày 05/8/2019 tôi cũng đã đến buổi tiếp dân của Bí thư tỉnh và được trả lời UBND tỉnh đã có ý kiến yêu cầu. Hộ tôi đã thực hiện bốc trúng và nhận đất vào ngày 27/09/2019 nhưng UBND thành phố T vẫn chậm ra quyết định cấp đất tái định cư cho gia đình tôi.

Sau đó, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T ra phương án số 42/PA-PTQĐ ngày 23/6/2020 (sau gần 9 tháng), thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho hộ tôi - L theo thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T, theo đó giao cho tôi lô đất Ô phố A L2 số 12, diện tích 4x19=76m², đường nội bộ, giá đất theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh P, rồi UBND thành phố T ra Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho hộ tôi, ngay sau khi nhận đất tôi làm đơn có xác nhận của chính quyền Phường E để xin mắc công tơ điện để xây nhà, hiện tôi đã xây nhà ở ổn định.

Tôi nhiều lần làm đơn khiếu nại cho rằng việc áp giá đất theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 là không đúng, cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T có lập biên bản ngày 20/4/2021 ghi nhận tôi khiếu nại nhưng không giải quyết cho nên tôi trực tiếp gặp lãnh đạo Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T thì được biết thông báo số 17/TB-TTPTQĐ ngày 16/12/2021 của TTPTQĐ thành phố T là đã giao cho cán bộ tiếp tục thương lượng với tôi về khiếu nại chênh lệch giá Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 giá đất theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và động viên tôi thực hiện, tôi L cho rằng Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 chưa có số tiền cụ thể, thì lấy căn cứ gì thương lượng giá chênh lệch và trường hợp của tôi là áp giá theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P, vì vậy tôi chọn giải quyết bằng khởi kiện vụ án hành chính.

Việc tôi khởi kiện yêu cầu giải quyết việc UBND thành phố T ban hành quyết định hành chính thiếu nội dung, áp dụng văn bản để tính nghĩa vụ tài chính trả tiền đất tái định cư không đúng gây thiệt hại cho hộ tôi (Lê Văn L) vì các lý do sau:

- Phương án tái định cư số 42/PA-PTQĐ ngày 23/6/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T nêu giá đất theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 nhưng tại quyết định này không ấn định giá đất cụ thể là bao nhiêu đồng để hộ tôi thực hiện nộp. Như vậy, Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 UBND thành phố T có vi phạm do thiếu nội dung về nghĩa vụ tài chính số tiền cụ thể, khi giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

- Thực hiện kế hoạch số 08/KH-TNMT ngày 29/12/2017 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tại bản kiểm kê tài sản và hộ cư trú ngày 17/4/2017, xác định trên diện tích đất 162,3m² ở 46/13 N, phường E, thành phố T, thì có hộ ông Lê Văn T2 có 05 nhân khẩu, văn bản số 3611/UBND-BTD của UBND tỉnh, đề nghị UBND thành phố T xem xét giải quyết và trả lời đơn tôi về cấp đất tái định cư trước ngày 27/7/2019. Hộ tôi đã thực hiện bốc trúng và nhận đất vào ngày 27/09/2019. Nhưng UBND thành phố T vẫn chậm ra quyết định cấp đất tái định cư cho gia đình tôi.

Việc UBND thành phố T chậm ra quyết định cấp đất tái định cư cho hộ tôi thì phải chịu trách nhiệm theo khoản 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013 “*Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm tái định cư được cấp...thì còn được thanh thêm khoản chậm nộp*”.

Như vậy giá đất theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh P là cao hơn giá đất theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P.

Người khởi kiện vợ chồng ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T;

- Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ T theo bảng giá tại Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015 – 2019);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện UBND thành phố T **trình bày** (Văn bản số 5355/UBND ngày 19/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T) trình bày:

- Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T.

Trên cơ sở Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T về việc giải quyết đề xuất của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố tại Báo cáo số 16/BC-HĐBT ngày 03/9/2019 và Tờ trình số 1455/TTr-TNMT ngày 03/8/2020 của Phòng T về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T, ngày 28/9/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L tại lô số 12-A khu tái định cư dự án đường Đ giai đoạn 2, C, Phường I, thành phố T. Quyết định đã được chuyển giao đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T để giao cho ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên nêu trên của ông Lê Văn L là không có cơ sở.

- *Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên ra Quyết định giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo giá đất của Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P.*

Theo Phương án số 42/PA-PTQĐ ngày 23/6/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố về giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L: đơn giá căn cứ theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh P về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2020-2024).

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất*”, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L có đơn giá tiền sử dụng đất theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh P. Như vậy, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 là có cơ sở.

Cho nên, đối với yêu cầu của ông Lê Văn L buộc UBND thành phố T ban hành Quyết định giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo giá đất của Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P là không đúng quy định pháp luật tại thời điểm có quyết định giao đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T (*Văn bản số 510/TNMT ngày 17/8/2022 của Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T*) trình bày:

- Đối với yêu cầu khởi kiện: đề nghị hủy Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L3 theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T.

Ngày 17/7/2020, Phòng T nhận Công văn số 374/ PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố về việc tham mưu ban hành Quyết định giao đất theo Phương án số 42/PA-PTQĐ ngày 23/6/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố về giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T kèm theo đơn xin giao đất, bản phôi tờ CMND, sổ hộ khẩu. Cùng ngày, Phòng T có Công văn số 201/TNMT đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T thực hiện việc trích lục bản đồ địa chính để thực hiện việc giao đất theo quy định.

Ngày 03/8/2020, Phòng T có Tờ trình số 1455/TTr- TNMT về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T.

Ngày 28/9/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L tại lô số 12-A khu tái định cư dự án đường Đ, phường I, thành phố T. Phòng T đã chuyển giao Quyết định cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T để giao cho ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Như vậy, Phòng T đã tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, việc ông Lê Văn L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu khởi kiện: buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên ra Quyết định giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo giá đất của Quyết định số 56/201/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P.

Theo Phương án số 42/PA-PTQĐ ngày 23/6/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố về giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L: đơn giá căn cứ theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh P về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2020-2024).

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 14/4/2014 của Chính phủ quy định: “Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất”. Do vậy, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L có đơn giá tiền sử dụng đất theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh P là có cơ sở.

Cho nên, đối với yêu cầu buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo giá đất của Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P là không đúng quy định pháp luật tại thời điểm có quyết định giao đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi cục thuế thành phố T: (*Văn bản số 7687/CCT-KTNDP ngày 12/8/2022 của Chi cục thuế thành phố T*):

Căn cứ Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 17 Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ T3 hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Căn cứ điểm 3.3 khoản 3 Điều 3 Thông tư số 153/2011/TT-BTC của Bộ T3: Chi cục T căn cứ vào tờ khai thuế SDĐPNN (Mẫu số 01/TK-SDDPNN) do ông Lê Văn L kê khai. Chi cục T lập bộ thuế, thông báo và thu thuế Hộ ông Lê Văn L, diện tích 60 m², Mã số thuế 4400559093, mã PNN CN 1010200476. Thời gian lập bộ, thu thuế từ năm 2012 đến năm 2019. Cụ thể như sau:

Từ năm 2012 - 2016 số thuế lập bộ: 10.100 đồng/năm. Năm 2017 - 2019 lập bộ thuế SDDPNN 14.400 đồng/năm.

Năm 2020 - 2022 không lập bộ thuế SDDPNN do thu hồi đất làm đường.

Ngày 13/11/2012 ông Lê Văn L đã nộp tiền thuế SDDPNN 10.100 đồng;

Ngày 27/8/2013 ông Lê Văn L đã nộp tiền thuế SDDPNN: 10.100 đồng;

Chi cục T căn cứ vào tờ khai thuế SDĐPNN (Mẫu số 01/TK-SDDPNN) do ông Lê Văn L kê khai. Chi cục T lập bộ thuế, thông báo và thu thuế Hộ ông Lê Văn L, diện tích 60m², Mã số thuế 4400559093, mã PNN CN 1010200476. Thời gian lập bộ, thu thuế từ năm 2012 đến năm 2019. Cụ thể như sau:

Từ năm 2012 - 2016 số thuế lập bộ: 10.100 đồng/năm Năm 2017 - 2019 lập bộ thuế SDDPNN 14.400 đồng/năm.

Năm 2020 - 2022 không lập bộ thuế SDDPNN do thu hồi đất làm đường.

Ngày 13/11/2012 ông Lê Văn L đã nộp tiền thuế SDDPNN 10.100 đồng.

Ngày 27/8/2013 ông Lê Văn L đã nộp tiền thuế SDDPNN: 10.100 đồng.

Ngày 17/4/2014 ông Lê Văn L đã nộp tiền thuế SDĐPNN: 10.100 đồng.

Ngày 18/6/2015 ông Lê Văn L đã nộp tiền thuế SDĐPNN: 10.100 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: E, thành phố T: Tòa án đã nhiều lần có văn bản đề nghị E, thành phố T cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án nhưng E, thành phố T chỉ thực hiện việc cung cấp tài liệu, chứng cứ; không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa sơ thẩm UBND Phường 5 thành phố T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Nội dung vụ án như trên, Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với các yêu cầu:

- Hủy Phương án số 42/PA-PTQĐ ngày 23/6/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T về *giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T.*

- Hủy Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên về *việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T;*

- Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Mỹ T theo bảng giá tại Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P về *việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015 – 2019);*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 02/8/2023, người bị kiện – Ủy ban nhân dân thành phố T (Người bị kiện) kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Người bị kiện. Các bên không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, bác yêu cầu của Người khởi kiện

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét kháng cáo của người bị kiện – Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện thì thấy:

Để thực hiện Dự án đường Đ và đường N nối dài (Đoạn từ đường NB4 đến đường N và đoạn từ đường Nguyễn H1 đến đường T), UBND thành phố T đã có quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 về *việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đường Đ và đường N nối dài (Đoạn từ đường NB4 đến đường N và đoạn từ đường Nguyễn H1 đến đường T) (các đối tượng còn lại – 97 đối tượng);* Trong đó thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T2 và bà Dương Thị L1 tại số D N, phường E, thành phố T, trên diện tích đất

162,3m², thửa đất số 165, tờ bản đồ số 2 tại Phường E, thành phố T và hộ con trai là ông Lê Văn L, có vợ Nguyễn Thị Mỹ T, cùng các con Nguyễn Lê Hoàng N, sinh 2011; Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh 2013; Lê Nguyễn Tuấn K, sinh 2017, hồ sơ hộ khẩu số DT 17/7/16/2039, đang sinh sống trên diện tích đất 60m² cùng thửa đất, chung nhà.

Tại Biên bản kiểm kê ngày 17/4/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T xác định trên tích đất thu hồi ở 4 N, phường E, thành phố T thì hộ ông Lê Văn T2 có từ 05 nhân khẩu trở lên.

Tại Tờ trình ngày 30/10/2018 của E, thành phố T về việc đề nghị giao đất tái định cư cho hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên cùng một thửa đất bị thu hồi để thực hiện dự án đường Đ và đường N nối dài gửi UBND thành phố T có nội dung: “*Tại cuộc họp, Hội đồng đăng ký đất đai Phường 5 thống nhất đề nghị UBND thành phố giao đất ở tái định cư cho 40 trường hợp*”. Trong danh sách 40 trường hợp này, hộ ông Lê Văn L có số thứ tự số 19.

Tại Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T V/v giải quyết đề xuất của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố tại Báo cáo số 16/BC-HĐBT ngày 03/9/2019 có nội dung: “*Đối với trường hợp hộ ông Lê Văn L: Thống nhất giao đất cho hộ ông Lê Văn L theo đúng quy định*”.

Tại Văn bản số 4656/UBND-BTD ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh P V/v trích Thông báo kết luận tiếp công dân định kỳ tháng 8/2019 đối với trường hợp ông Lê Văn L và ông Lê Văn T2 có nội dung: “*Đối với 02 nội dung nêu trên của ông Lê Văn L và ông Lê Văn T2, đồng chí bí thư Tỉnh ủy đã kết luận, chỉ đạo tại Thông báo số 756-TB/VPTU ngày 13/8/2019. Yêu cầu UBND thành phố T triển khai thực hiện nghiêm ý kiến kết luận, chỉ đạo của đồng chí bí thư Tỉnh ủy tại thông báo nêu trên. Đồng thời, có văn bản trả lời cho công dân và báo cáo kết quả của UBND tỉnh trước ngày 15/9/2019*”. Căn cứ vào các Văn bản nêu trên thì hộ ông Lê Văn L được giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất là đúng với quy định tại Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất:

[2]. Như vậy, hộ ông Lê Văn L được giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất. Ngày 27/9/2019, hộ ông Lê Văn L đã thực hiện việc bốc thăm đất tái định cư và đã được xác nhận giao Lô số 12 – ô phố A – Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ dự án đường Đ giai đoạn 2,3 Phường I thành phố T từ tháng 09/2019 nhưng đến ngày 28/9/2020, UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên mới ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T là chậm. Bản án sơ thẩm nhận định: “*Xét việc UBND thành phố T chậm ban hành quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất cho hộ ông L, bà T đối với diện tích 76m², thuộc thửa đất 387, tờ bản đồ số 231-D (Lô số 12, Ô phố A, Khu tái định cư dự án đường Đ giai đoạn 2,3 phường I) thành phố T là thiếu sót xuất phát từ UBND thành phố T, dẫn đến việc ông L, bà T phải nộp tiền sử dụng đất với giá*

đất $6.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 76\text{m}^2 = 456.000.000\text{đ}$ (theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh P – có hiệu lực từ ngày 01/01/2020) là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện” đề chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ T là có căn cứ.

[3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án hành chính sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn L4 và bà Nguyễn Thị Mỹ T là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố T kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Áp dụng: các Điều 69, 71, 74, 75, 79, 83, 85, 86, 93, 108 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với các yêu cầu:

- Hủy Phương án số 42/PA-PTQĐ ngày 23/6/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T về *giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T.*

- Hủy Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên về *việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất cho ông Lê Văn L theo Thông báo số 3126/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND thành phố T;*

- Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Mỹ T theo bảng giá tại Quyết định số 56/2014/QĐ-

UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015 – 2019);

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0003576 ngày 14/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Án phí sơ thẩm, quy định về thi hành án được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến